

NHẬN DIỆN TỤC NGỮ, THÀNH NGỮ TỪ BÌNH DIỆN HÀNH CHỨC (TRÊN TƯ LIỆU TRUYỆN NGẮN, TIỂU THUYẾT)

**Identification of proverbs, idioms from aspect of action
(material from short stories, novels)**

ĐỖ THỊ KIM LIÊN

(GS. TS, Đại học Vinh)

Abstract

Based on statistics and classification of proverbs and idioms used in literary works, the article has drawn some criteria for realizing proverbs and idioms, and has suggested some appropriate teaching methods.

1. Dẫn nhập

1.1. Tục ngữ, thành ngữ là hai đơn vị ngôn ngữ thường được sử dụng trong lời ăn tiếng nói hàng ngày của mỗi cá nhân. Trong tác phẩm nghệ thuật, đặc biệt là truyện ngắn và tiểu thuyết, chúng được nhà văn sử dụng trong lời nhân vật để thể hiện tính cách, nhận thức, cá tính nhân vật, có khi gián tiếp phản ánh quan điểm của tác giả. Vì vậy, việc đi sâu nghiên cứu hai đơn vị này hành chức trong văn bản nghệ thuật là hết sức cần thiết.

Thành ngữ, tục ngữ không chỉ tồn tại trong tiếng Việt mà còn tồn tại trong nhiều ngôn ngữ khác trên thế giới. Trong chương trình giảng dạy ở các bậc phổ thông từ bậc tiểu học đến đại học, hai đơn vị tục ngữ, thành ngữ đã được đưa vào Sách giáo khoa để giảng dạy trên lớp. Tuy vậy, việc phân biệt hai đơn vị này không dễ dàng, gây khó khăn cho việc tiếp nhận. Vì vậy, việc đi sâu tìm hiểu đặc trưng tương đồng và khác biệt của

thành ngữ, tục ngữ từ trước đến nay đã được nhiều nhà Việt ngữ quan tâm nhưng kết quả vẫn còn những điểm chưa thỏa đáng. Trong bài viết này, chúng tôi đưa ra một số tiêu chí để nhận diện hai đơn vị này từ góc nhìn mới-xem xét tục ngữ thành ngữ trong hành chức, hay nói một cách khác, trong hoạt động, gắn với ngữ cảnh cụ thể, với người nói, để từ đó đề xuất cách nhận diện chúng một cách phù hợp.

1.2. Trong thực tế sưu tầm, biên soạn từ điển, nghiên cứu tục ngữ, thành ngữ, chúng tôi nhận thấy, tuy với những mục đích khác nhau nhưng các nhà nghiên cứu thường có 2 xu hướng:

a) Tách thành ngữ, tục ngữ là hai đơn vị riêng: Hoàng Văn Hành [9], Nguyễn Xuân Kính và các cộng sự [13], Nguyễn Thái Hòa [11], Nguyễn Đức Dân [5], Trần Hồng Hạnh [10], Nguyễn Đức Tồn [18], Nguyễn Thiện Giáp [7], Nguyễn Thị Hương [12], Đỗ Thị Kim Liên [15], Nguyễn Như Ý [19].

b) Tuy vẫn gọi là thành ngữ, tục ngữ nhưng nhập hai đơn vị này để biên soạn thành từ điển thành ngữ, tục ngữ chung, như Việt Chương [4], Nguyễn Lâm [14], Xuân Bá-Quang Minh) [1].

Dù có hai xu hướng trên thì điểm giống nhau ở những tác giả trên là nghiên cứu thành ngữ, tục ngữ với tư cách là những đơn vị biệt lập, tách rời ngữ cảnh. Trong ví dụ minh họa, một số tác giả làm từ điển cũng mới chỉ quan tâm đến nghĩa trong một câu cụ thể với cách sử dụng (điển dạng) chứ chưa quan tâm đến những cách sử dụng biến dạng ở những ngữ cảnh khác nhau. Do giới hạn của bài viết, sau

đây, chúng tôi đi vào tìm hiểu sự hành chức của tục ngữ, thành ngữ trong một số văn bản nghệ thuật.

2. Nhận diện tục ngữ, thành ngữ trong hành chức

2.1. *Số lượng*. Thống kê thành ngữ và tục ngữ thông qua ngôn ngữ nhân vật và ngôn ngữ trần thuật của tác giả trong tác phẩm của 8 nhà văn: Sơn Nam, Vũ Bằng, Nam Cao, Nguyễn Hồng, Chu Văn, Võ Thị Hảo, Hồ Anh Thái, Dương Thụy, chúng tôi thu được kết quả về số lượng và tỉ lệ thành ngữ, tục ngữ xuất hiện như sau:

Bảng 1: Số lượng thành ngữ, tục ngữ trong truyện ngắn, tiểu thuyết của 7 tác giả

STT/ Tác giả	Tác phẩm/trang	Tổng số thành ngữ, tục ngữ	Tục ngữ		Thành ngữ	
			Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
1. Sơn Nam	Hương rừng Cà Mau	210	76	36,2%	134	63,8%
2. Nam Cao	Toàn tập	172	26	15,1%	146	84,9%
3. Nguyễn Hồng	Tuyển tập	199	26	13,0%	173	87,0%
4. Vũ Bằng	Tuyển tập	767	85	9,58%	682	90,42%
5. Chu Văn	Bảo biên	392	71	18,1%	321	81,9%
6. Võ Thị Hảo	Giản thiểu	251	18	7,1%	233	92,9%
7. Hồ Anh Thái	SBC là sản bắt chuột	137	44	32,1%	93	67,9%
8. Dương Thụy	BCCMV +CGGG & TTDT	199	23	11,6%	176	88,4%
Cộng		2327	369	15,85%	1958	84,15%

Qua bảng thống kê 1, chúng tôi rút ra một số nhận xét: Trong truyện ngắn, tiểu thuyết của 8 tác giả trên thì tổng số cả thành ngữ và tục ngữ được sử dụng là 2327 đơn vị, trong đó số lượng tục ngữ là 369, chiếm 15,85%; số lượng thành ngữ là 1958 đơn vị, chiếm 84,15%. Trong mỗi tác giả, số lượng thành ngữ, tục ngữ cũng khác nhau. Nhưng, nhìn chung, thành ngữ bao giờ cũng xuất hiện nhiều hơn tục ngữ với số lượng đáng kể. Trong tác phẩm của Vũ Bằng có 682 thành ngữ, chiếm 90,42%, tục ngữ có 85, chiếm 9,58%. Đây là tác giả sử dụng số lượng thành ngữ và tục ngữ cao nhất so với 7 tác giả còn

lại. Trong tác phẩm của Sơn Nam có 134 thành ngữ, chiếm 63,8%, trái lại, tục ngữ có 76, chiếm 36,2%. Nam Cao sử dụng 146 thành ngữ, chiếm 84,9%, tục ngữ là 26, chiếm 15,1%; Nguyễn Hồng sử dụng 173, chiếm 87%, tục ngữ là 26, chiếm 13,0%; Chu Văn sử dụng thành ngữ 321, chiếm 81,9%, tục ngữ là 71, chiếm 18,1%; Võ Thị Hảo sử dụng 233 thành ngữ, chiếm 92,8%, tục ngữ là 18, chiếm 7,1%; Hồ Anh Thái sử dụng 93 thành ngữ, chiếm 67,9%, tục ngữ là 44, chiếm 32,1%; Dương Thụy sử dụng 176 thành ngữ, chiếm 88,4%, tục ngữ là 23, chiếm 11,6%.

Như vậy, từ con số cụ thể của từng tác giả trên đây, chúng tôi rút ra kết luận: trong văn bản nghệ thuật, các nhà văn sử dụng thành ngữ nhiều hơn hẳn tục ngữ, số lượng là 2958/ 369 (84,15% /11,09%), nghĩa là cứ trung bình gần 8,4 thành ngữ thì có 1,6 tục ngữ. Có thể giải thích con số và tỉ lệ khác biệt giữa thành ngữ và tục ngữ này như sau: thành ngữ là đơn vị thuộc bậc dưới tục ngữ, là cụm từ cố định, mang nghĩa định danh tương đương từ, nhưng nghĩa của thành ngữ khác từ ở chỗ: thành ngữ phản ánh đối tượng bằng hình ảnh, mang tính biểu trưng. Thành ngữ thường xuất hiện trong phạm vi câu, là thành tố cấu tạo câu. Do đặc điểm trên nên thành ngữ thường xuất hiện trong lời nói, hoặc trong văn bản thuộc phong cách nghệ thuật, với chức năng mô tả. Trái lại, tục ngữ là câu, có chức năng thông báo, thường nêu lên những kinh nghiệm về tự nhiên và xã hội, nên tục ngữ không xuất hiện với tần số cao như thành ngữ.

2.2. Khả năng đảm nhận chức vụ cú pháp

a. Thành ngữ

Theo số liệu thống kê của Trần Thị Hiền, Lê Thị Bích Diệp¹, chúng tôi tổng hợp khả năng đảm nhận chức vụ cú pháp của thành ngữ trong tác phẩm của bốn tác giả Nam Cao, Nguyên Hồng, Hồ Anh Thái, Dương Thụy như sau:

Bảng 2. Khả năng đảm nhận cú pháp của thành ngữ trong câu của các tác giả Nguyên Hồng, Nam Cao, Dương Thụy, Hồ Anh Thái

Tác giả	Đứng thành câu biệt lập	Làm thành phần chính trong câu		Làm TP phụ trong câu (trạng ngữ)	Làm thành phần phụ trong cụm từ		Tổng số thành ngữ
		Chủ ngữ	Vị ngữ		Bổ ngữ	Định ngữ	
1. Nam Cao	12	4	71	5	31	23	146
2. Nguyên Hồng	0	0	69	15	38	51	173
3. Dương Thụy	3	0	39	13	84	37	173
4. Hồ Anh Thái	7	5	43	27	63	44	193
Tổng số/tỉ lệ%	22 (3,19%)	9 (1,3%)	222 (32,26%)	60 (8,72%)	216 (31,3%)	155 (22,5%)	688 (99,97%)

Qua bảng 2, chúng tôi nhận thấy: Thành ngữ đứng độc lập với tư cách là một câu độc lập hết sức hạn chế ở 4 tác giả. Ở tác phẩm của Nam Cao là 12 câu, Nguyên Hồng không xuất hiện, Dương Thụy là 3 câu, Hồ Anh Thái là 7 câu. Khi thành ngữ được tách thành câu đặc biệt, nó có tác dụng nhấn mạnh. Ví

dụ: (1) Các cô không chịu hát thì cậu oang oang hát trước. *Tiếng như ngỗng đực*. Làm các các cô cắn chặt hai hàm răng lại mà cũng không sao nín được cười. (Nam Cao, t.1, tr.443)

Thành ngữ *tiếng như ngỗng đực* được tách thành câu biệt lập² để nhấn mạnh, thể hiện

giọng hát của người con trai "dở" khiến các cô gái cười vui vẻ.

Ví dụ: (2) Xuân thu nhị kì, đoàn văn công trong tỉnh, văn công quân khu về nông trường biểu diễn. Tiếp đón linh đình. *Nem công chả phượng*. (Hồ Anh Thái, tr.182)

Thành ngữ *nem công chả phượng* được tách thành câu biệt lập để nhấn mạnh, thể hiện thái độ mỉa mai của tác giả.

Như vậy, trừ một số ít thành ngữ đứng tách ra thành câu biệt lập, còn đa số những trường hợp khác, thành ngữ tham gia làm thành phần cấu tạo câu. Trong câu, thành ngữ thường làm thành phần chính là vị ngữ, có 222 câu, chiếm tỉ lệ 32,26%. Ngoài ra, nó có thể làm bổ ngữ, có 216 (31,3%), định ngữ (thành phần phụ của cụm từ), có 155 câu (22,5%), trạng ngữ (thành phần phụ của câu) có 60 câu (8,72%). Thành ngữ có khả năng làm chủ ngữ nhưng rất hạn chế (chỉ 1,3%). Sau đây là những ví dụ thành ngữ đảm nhận những chức vụ cú pháp trong câu:

- Làm vị ngữ:

Ví dụ: (3) Tức đến mức không thốt nổi câu nào, tôi *ngâm hột thị* luôn. (Dương Thụy, tr.191)

Thành ngữ *ngâm hột thị* đứng làm vị ngữ cho danh từ *tôi* (chủ ngữ) nêu lên hành động của nhân vật: *không nói được gì* với thái độ hài hước của tác giả.

- Làm trạng ngữ:

Ví dụ: (4) *Năm thì mười họa*, Hải mới làm chơi một điệu (Vũ Bằng, 143).

Thành ngữ *năm thì mười họa* làm trạng ngữ thời gian cho nòng cốt chính của câu.

- Làm định ngữ:

Ví dụ: (5) Nó hèn nhưng nó có tài *cao chạy xa bay* nên nó cứ sống nhảnh nhàn. (Sơn Nam, tập 1, tr.147)

Thành ngữ *cao chạy xa bay* đứng sau danh từ *tài*, làm định ngữ cho danh từ này để nêu lên nhân vật có tài "chạy" (thành ngữ *cao chạy xa bay* có nghĩa: Tránh khỏi chỗ gây nguy hiểm, dễ liên lụy đến điều không hay

cảnh nhanh, càng xa càng tốt) với hàm ý mỉa mai của người viết.

- Làm bổ ngữ:

Ví dụ: (6) Tôi không dám *múa rìu qua mắt thợ* nhưng đại khái cũng biết rằng cái kiểu mai Hạc đầu tiên được coi là quý nhất. (Vũ Bằng, 435)

Thành ngữ *múa rìu qua mắt thợ* đứng làm bổ ngữ cho động từ *dám* (vị ngữ) của câu.

b. Tục ngữ

Khi tham gia hành chức, tục ngữ có khả năng xuất hiện ở cả hai bậc: b1) làm thành tố cấu tạo câu, và b2) là câu độc lập để cấu tạo đoạn văn. Tuy vậy số lượng câu tục ngữ đứng riêng, làm thành một câu độc lập trong ngữ cảnh xuất hiện nhiều hơn câu tục ngữ làm thành tố cấu tạo trong câu.

b1) Khi làm thành tố cấu tạo câu, tục ngữ thường có hai khả năng: Hoặc là một vế câu ghép hoặc là thành tố cấu tạo câu.

Khi thành ngữ làm thành phần cấu tạo câu, dù là thành phần chính hay thành phần phụ thì nó có giá trị tương đương từ, nhưng mang nghĩa bóng bẩy, hình ảnh. Trái lại, tục ngữ không có giá trị và vai trò như vậy.

* Khi xuất hiện làm vế câu ghép, tục ngữ mất tư cách của một câu độc lập, mà nó chỉ là vế câu, có mối quan hệ với vế câu đi trước (hoặc đi sau) theo một kiểu quan hệ nhất định.

Ví dụ: (7) Người mẹ đau đón nhìn đứa con tội lỗi. Chị thấy xót xa, hối hận đã để nó lêu lổng, *bé không vin, cả gãy ngành*. Chao ôi muộn quá mất rồi. (Chu Văn, tập 2, tr. 12)

Trong câu trên *bé không vin, cả gãy ngành* vốn là một câu tục ngữ, nhưng xuất hiện trong ví dụ trên lại là vế câu ghép, có quan hệ với vế câu đứng trước theo quan hệ: biểu hiện riêng-khái quát từ cái riêng đó.

* Khi tục ngữ đảm nhận các thành phần nào đó trong câu, như: chủ ngữ, vị ngữ, định ngữ, bổ ngữ, chúng tôi thường gặp đứng trước câu tục ngữ có các từ ngữ có tính dự báo sau: *nghĩ, thăm nghĩ, tin tưởng, nói, bảo,*

đã dạy, cho rằng, chưa biết câu, có câu, vùng, nơi..., hoặc có những tổ hợp: *biết thế nào là..., thôi thì..., nhưng..., hẳn là, chứ..., ...là thế..., đúng là...*

- *Làm định ngữ cho danh từ*

Trong kiểu này, tuy đứng sau danh từ nhưng câu tục ngữ trở thành ý tương đối độc lập, được đề trong ngoặc kép hay tách thành một khối riêng. Ví dụ: (8) Nhớ đến câu "*Gái ngoan làm quan cho chồng*", thím phó hương quân thắt lưng buộc bụng... sẵn sàng đi tiệm mua nào cải, củ hành, tiêu, tỏi đem về để thanh toán bằng bầy gà bầy vịt. (Sơn Nam, tr.14)

Từ *câu* là một danh từ đứng sau động từ *nhớ*, và câu tục ngữ *gái ngoan làm quan cho chồng* làm định ngữ cho danh từ *câu*. Đến lượt nó, cụm động từ: Nhớ đến câu "*gái ngoan làm quan cho chồng*" làm trạng ngữ cho nòng cốt chính của câu: thím phó hương quân// sẵn sàng đi tiệm mua...

- *Làm vị ngữ của câu.*

Ví dụ: (9) Mưu kế như vậy... **như vậy**... // là "*vừa đánh trống vừa ăn cướp, thừa cơ đục nước thả câu*". Tàng hình là như vậy đó. (Sơn Nam, t.2, tr.63)

Sau từ **là**, ta có tục ngữ: "*vừa đánh trống vừa ăn cướp, thừa cơ nước đục thả câu*".

- *Làm bổ ngữ cho động từ, như "nói, lo, nghĩ".*

Ví dụ: (10) Chị vợ cứng họng không cãi được (1). Thị đành chịu vậy, thị đã hậm hực không vui rồi (2). Thị thấy cứ hơi dây với hẳn là y như hẳn tìm đủ cách để góp phần hơn về cho hẳn (3). Phương ngôn **nói**: "*Cuộc giết vào lòng*" thật không sai tí nào (4). (Nam Cao, t.1, tr.175)

Trong đoạn văn trên, ba câu đầu (câu 1, 2, 3) trở thành luận cứ để dẫn đến kết luận *Phương ngôn nói: "Cuộc giết vào lòng" thật không sai tí nào* (câu 4).

b2+Trường hợp xuất hiện với tư cách là câu độc lập, tục ngữ tự nó mang chức năng thông báo. Tính chất liên kết của tục ngữ thuộc phạm vi trên câu - đó là đoạn văn.

(11) Đâu phải là tiểu đoàn? Đại đội xung kích đi với Quốc Toàn rồi... Đồn chúng mình nhỏ, một trung đội địch thôi. *Mèo nhỏ bắt chuột con*. (Hữu Mai, 565)

Trong câu trên *Mèo nhỏ bắt chuột con* vốn là một câu tục ngữ, nói lên kinh nghiệm trong đời sống tự nhiên và xã hội. Câu tục ngữ này đứng cuối đoạn văn, có quan hệ với câu đi trước theo quan hệ lập luận: luận cứ-kết luận. Từ thực tiễn đánh trận của anh em trong đơn vị, họ đã quyết định chia lẻ ra để đánh những đồn nhỏ. Việc làm này là nhờ kinh nghiệm trong thực tiễn đời sống xã hội (*Mèo nhỏ bắt chuột nhỏ*).

2.3. *Khả năng thành ngữ, tục ngữ xuất hiện ở dạng biến thể*

Trong hành chức, tục ngữ và thành ngữ có điểm giống nhau là đều có hiện tượng sử dụng ở hai dạng: điển dạng và biến dạng. Nhờ vào ngữ cảnh, người nghe, người đọc có thể nhận diện câu nói chứa tục ngữ, thành ngữ nguyên dạng hay biến dạng. Như vậy, đặc điểm này không bao giờ xuất hiện khi xem xét thành ngữ, tục ngữ ở dạng từ điển, tách rời ngữ cảnh. Mỗi thành ngữ, tục ngữ đều có khả năng được vận dụng ở dạng biến thể.

Tục ngữ:

Ví dụ: (12) Cái Thảo bé và cái Tý con ở nhà lê la cho qua ngày chờ tới khi lớn thì hoặc chợ búa với mẹ hay lại cày cục đi làm với bố! Cái gia đình ấy làm ăn hoàn toàn như những người nghèo *trong xóm*, họ đã lia hẳn quê, *sống gửi chết nhờ ngoài tỉnh*. (TTTN Nguyễn Hồng, tr.537)

Tục ngữ tiếng Việt (nguyên dạng) có câu: *Sống gửi, thác về* có nghĩa là "cuộc sống của con người ở trên cõi đời này chỉ là tạm bợ, lúc chết đi mới là trở về cõi vĩnh cửu của mình" [xem 4, 494]. Còn trong câu tục ngữ biến thể: *Sống gửi chết nhờ ngoài tỉnh*, nhờ ngữ cảnh, lại có hai nghĩa: nghĩa thứ nhất là nói đến việc sống hay chết đều phụ thuộc vào nơi gia đình nó mới đến cư trú ở ngoài tỉnh, và nghĩa thứ hai là nói đến cuộc sống bấp

bệnh, trôi nổi của gia đình Thảo. Trong câu nói trên, theo văn hóa của người Việt, họ xem *xóm* (*thôn, bản, làng*) là nơi thân thiết, gắn bó của những người cùng dòng họ nên gọi là *trong xóm*, còn tỉnh là nơi xa lạ, nơi mới đến lập nghiệp nên gọi là *ngoài tỉnh*.

Thành ngữ

Ví dụ: (13) Thăng Nậu hiểu ngay: đó là ông Hai Tước đang "*đánh trống để cho nó ăn cướp*". (Sơn Nam, tr.63)

Thành ngữ vừa *đánh trống* vừa *ăn cướp* với ý bòn tráo trở gian hùng, làm đảo lộn sự chính tà, vừa ăn cướp của người vừa giả nhân giả nghĩa, đồ vậy tội cho thiên hạ [3, 809]. Tuy vậy, trong sử dụng, người viết đã cải biến thành *đánh trống để cho nó ăn cướp* là cách diễn đạt mới. Thành ngữ này được dùng với nghĩa: ông Hai Tước làm việc đánh trống, nhưng người ăn cướp không phải là ông mà là nhân vật "nó". Nhờ hành động đánh trống đó, ông sẽ lừa người nhà của ông để cho giúp nhân vật "thằng Nậu" ăn cắp cái hộp đựng giấy tờ cầm nợ của chính nó. Như vậy, ông là người nghĩa hiệp chứ không còn là tên cướp gian hùng như nghĩa bình thường của thành ngữ này.

Ví dụ: (14) Con trời bố, thế thì đưa con thứ ba cũng có cái tính du côn đồ kẻ của hai thằng anh nó. *Con nhà tông không giống lông cũng giống cánh*. (Hồ Anh Thái, tr. 313)

Con nhà tông không giống lông cũng giống cánh là một câu tục ngữ với nghĩa chỉ con các nhà có truyền thống bản chất tốt đẹp thì nhất định ít nhiều cũng kế thừa được những nét đẹp, nét quý của cha mẹ, tổ tiên mình. Nhưng trong ngữ cảnh cụ thể này, nó mang nghĩa mới nghĩa đen: chỉ sự giống nhau về cái xấu, đáng chê trách, và nghĩa bóng chỉ truyền thống xấu của một gia đình từ cha đến các con, theo văn hóa của người Việt, là một gia đình bất hạnh, vô phúc.

Trong hành chức, nghĩa của thành ngữ cũng có thể biến đổi, tạo hiện tượng đa nghĩa.

Ví dụ: (15) Trong *nước sôi lửa bỏng* vẫn giữ về cao ngạo chúa trùm. (Hồ Anh Thái, tr.212)

Nước sôi lửa bỏng vốn là thành ngữ mang nghĩa chỉ tình thế hết sức nguy ngập, khẩn cấp, có những tai họa trực tiếp đe dọa. Nhưng trong ngữ cảnh cụ thể trên, thành ngữ này nói đến tình trạng nguy hiểm của con chuột trước sự tấn công của tiểu đội săn bắt chuột. Tuy nguy hiểm như vậy, sự phản ứng của con chuột vẫn với dáng vẻ cao ngạo chúa trùm, nhờ đó, thành ngữ này chứa đựng thêm nghĩa thứ hai: cuộc chiến đấu giữa con người và chuột vẫn còn gay go ác liệt chứ chưa đến hồi kết thúc.

Ví dụ: (16) Ông Cốp thỉnh thoảng *tiền hô hậu ủng* về đây cúng lễ, cảm thấy bệnh vơi đi, người hưng phấn. (Hồ Anh Thái, tr. 313)

Thành ngữ *tiền hô hậu ủng* vốn là một thành ngữ gốc Hán, có nghĩa là hộ tống rầm rộ oai phong. Nhưng trong ngữ cảnh trên nó lại được cấp thêm nghĩa mới: thái độ điều nhại của tác giả "ông cốp đi cúng lễ (việc làm thuộc về tâm linh, có tính riêng tư nội bộ gia đình) nhưng lại "tiền hô hậu ủng" (dùng thành ngữ Hán-Việt với nghĩa trang trọng) bởi một đội quân đông đảo uy lực".

Chính khả năng biến đổi ngữ nghĩa trong hành chức trên đây làm cho ranh giới tục ngữ và thành ngữ trong một số trường hợp cụ thể rất khó phân biệt.

2.4. Cấu trúc nghĩa của tục ngữ

Trong tổ chức nội bộ, tục ngữ thường có cấu trúc nghĩa hai trung tâm: Đề-Thuyết (viết tắt là Đ-T. Để đánh dấu ranh giới Đ-T, ta có thể chen tác tử *thì, là* vào giữa phần Đ-T. Cấu trúc này tồn tại trong câu chỉ có một Đ-T hoặc từ hai Đ-T trở lên [xem 8, tr.231].

Ví dụ: (17) Quê anh ở bên kia sông, lại là dân nội đồng, làm màu không mấy khi lụi lụi, nhưng *nhập gia// tùy tục*, anh thích nghi với thói quen ở làng ngay từ hôm mới ở đây. (Lê Lựu, tr.11)

Trong ví dụ trên thì câu tục ngữ *Nhập gia// tùy tục* --> một Đ-T. Ví dụ: (18) Người

ta bảo *chó// treo// mèo// đây*, cô lại để con nằm ở ổ nên khi con "bậy", một con chó ở đầu chạy vào lôi giẻ đi tìm phân. Nó kéo giẻ, kéo cả con đi. (Lê Lựu, tr.60)

Trong ví dụ trên thì câu tục ngữ *Chó// treo mèo// đây* --> hai Đ-T

Ngoài ra, tục ngữ còn có dạng cấu trúc so sánh. Với nhóm này, ta có thể chen các từ so sánh: *bằng, giống, như, là; hơn, thua (chẳng bằng)* để đánh dấu ranh giới Đ-T. Ví dụ: (19) Bà biết đích xác là chị ở nhà, không đi đâu hết. Vợ chồng// *như đũa có đôi*. (Hồ Anh Thái, tr.53)

Ví dụ: (20) *Máu loãng // còn hơn nước lã*, và tao có tình hay thương người. (Nguyễn Công Hoan, tr.223)

Ví dụ: (21) Anh mới lên Việt Bắc lần đầu? – Vâng, *trăm nghe// không bằng một thấy*. (Hữu Mai, tr.320)

Ví dụ: (22) Không ai dám mon men lại gần chặt cây chuối đó. *Thằng vua // thua thằng liều*. Ra về. (Hồ Anh Thái, 23)

Trái lại, thành ngữ không thể phân tích theo kiểu cấu trúc nghĩa này, bởi vì, thành ngữ vốn mang nghĩa khái quát, nghĩa bóng toát lên từ toàn bộ các thành tố.

2.5. Tục ngữ xét ở bậc trên câu-đoạn văn

Đoạn văn (paragrap) là một đơn vị của văn bản. Theo *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học* của Nguyễn Như Ý thì "Đoạn văn là một phần của văn bản nằm giữa hai dấu chấm xuống dòng và hoạt động như một chỉnh thể cú pháp phức hợp, mang nội dung ngữ nghĩa hoàn chỉnh"[21, 91]. Còn theo tác giả Diệp Quang Ban thì "Đoạn văn là một phần của văn bản viết tính theo chỗ xuống dòng, thường chỉ ra cách nhóm hợp các ý chung quanh một ý chính (có thể coi là một đơn vị của ngôn ngữ viết, không phải của ngôn ngữ nói chung). Trong tiếng Việt, một 'đoạn văn' thường được bắt đầu bằng một dòng mới với chỗ lùi vào đầu dòng và viết hoa chữ cái đầu tiên" [2, 206].

Xét về tổ chức, có thể chia ra các đoạn văn: đoạn văn có câu chủ đề và đoạn văn

không có câu chủ đề. Loại đoạn văn không có câu chủ đề thì có kết cấu song hành hay móc xích. Việc xác định câu chủ đề cần phải suy ra ở bên ngoài. Còn đoạn văn có câu chủ đề có cấu tạo diễn dịch, quy nạp, tổng- phân hợp. Lập luận thuộc loại đoạn văn có câu chủ đề. Theo tác giả Đỗ Hữu Châu, lập luận là đưa ra những lí lẽ nhằm dẫn dắt người nghe đến một kết luận hay chấp nhận một kết luận nào đấy mà người nói muốn đạt tới [Đỗ Hữu Châu, 3, tr.155]. Theo cách hiểu về lập luận trên đây thì tục ngữ thường xuất hiện trong đoạn văn, có tổ chức của lập luận. Để có lập luận luôn có hai phần: Luận cứ và kết luận.

Sau đây là sự hành chức của tục ngữ trong đoạn.

Trong các từ điển về tục ngữ, chúng ta thường thấy tục ngữ đứng độc lập. Nhưng trong hành chức, tục ngữ lại có quan hệ nhất định với những câu đứng trước hoặc sau nó, để tạo đoạn. Tổ chức của đoạn văn có câu tục ngữ thường có cấu tạo của một lập luận. Trong cấu tạo đoạn văn, câu tục ngữ chỉ là một bộ phận nhằm thể hiện một định hướng, một ý định dẫn dắt nào đó của người nói, người viết. Vì thế, nghĩa của câu tục ngữ không còn của chính nó như khi đứng rời mà nhằm hướng đến những mục đích khác nhau tùy theo vị trí của câu tục ngữ đứng đầu, giữa hay cuối đoạn văn.

a. Câu tục ngữ đứng đầu đoạn

Có thể có một số dạng:

- Câu tục ngữ đứng độc lập đầu đoạn là luận cứ, còn câu đứng sau chính là kết luận.

Ví dụ: (23) *Bán anh em xa mua láng giềng gần*. Và lại, chị em mình như là một nhà rồi còn láng giềng láng tôi gì nữa. Đúng không chú Tâm (Lê Lựu, tr.168)

Câu tục ngữ *Bán anh em xa mua láng giềng gần* đứng đầu đoạn văn có quan hệ với câu đứng sau theo quan hệ luận cứ-kết luận, thể hiện mục đích của người nói là thuyết phục người nghe (em) chấp nhận tình cảm gần gũi thân thiết giữa họ.

Ví dụ: (24) *Vàng thiệt không sợ lửa*. Họ tự an ủi. (Sơn Nam, tập 1, tr.35)

Câu tục ngữ *Vàng thiệt không sợ lửa* đứng đầu đoạn văn có quan hệ với câu đứng sau theo quan hệ luận cứ-kết luận, thể hiện mục đích của người nói là họ tự an ủi chính mình trước một vấn đề nào đó.

- Câu tục ngữ đứng đầu đoạn là kết luận. Các câu đi sau là luận cứ, nhằm triển khai các ý làm rõ câu chủ đề.

Ví dụ: (25) *Tương kế, tựu kế*. Nó tưởng mình đi vắng nhà suốt đêm. Minh về bắt thỉnh linh cho nó biết mặt. (Sơn Nam, tập 1, tr.313)

Câu tục ngữ *Tương kế, tựu kế* đứng đầu đoạn văn có quan hệ với câu đứng sau theo quan hệ kết luận-luận cứ, thể hiện mục đích của người nói muốn khẳng định tính đúng đắn trong việc làm của mình.

- Câu tục ngữ đứng đầu đoạn là câu dẫn ý, như một tiền đề khái quát. Câu đứng sau có vai trò nêu lên một biểu hiện làm rõ cho câu dẫn ý khái quát đó. Kiểu này xuất hiện nhiều nhất. Có thể dẫn ví dụ sau:

Ví dụ: (26) *Cứ vậy tiếng bác ném đi, tiếng chì quăng lại* (1). Mỗi người chỉ nghĩ đến sự quá quắt của người kia mà không nghĩ đến sự quá quắt của mình. (2) (Nam Cao, tr.367)

Ví dụ: (27) *Thì ra già néo đứt dây*. (1) Cụ tiên chỉ làng Vũ Đại nhận ra rằng đề nén con em đến nỗi nó không chịu được phải bỏ làng ra đi là đại. (2) (Nam Cao, tr.94)

Trong 2 ví dụ trên, thì cả 2 câu tục ngữ *tiếng bác ném đi, tiếng chì quăng lại* và *già néo đứt dây* đứng ở đầu đoạn văn, có tác dụng nêu lên chân lí đã được đúc rút từ thực tiễn. Câu thứ hai (2) nêu lên những biểu hiện riêng lẻ để minh chứng cho kết luận từ câu (1) đứng trước.

b. Tục ngữ đứng cuối đoạn

Với dạng này, chúng tôi chỉ gặp kiểu quan hệ: luận cứ -kết luận. Trong quan hệ với câu đứng trước, câu tục ngữ đứng cuối đoạn văn là kết luận, còn câu đi trước là luận cứ.

Ví dụ: (28) *Chúa ơi! Cháu chưa hiểu*. (1) *Họ thiếu tình thương máu mủ*. (2) *Họ nói: Mạnh ai nấy lo, hồn ai nấy giữ*. (3) *Thời loạn lạc, khôn sống, mống chết*. (4) (Sơn Nam, tập 2, tr.55)

Câu tục ngữ *Khôn sống, mống chết* đứng cuối đoạn văn có quan hệ với câu đứng trước theo quan hệ luận cứ-kết luận, thể hiện mục đích của người nói rút ra một kinh nghiệm sống từ các bậc tiền bối.

Ví dụ: (29) *Dạ, lẽ thường mặt trời mọc hướng đông, lặn. Nhưng gần sa mưa hay gần tết thì mặt trời đi xéo hướng tây, vậy thì ngày và đêm không đều. Đêm tháng năm chưa nằm đã tối, ngày tháng 10 chưa cười đã tối*. (Sơn Nam, tập 1, tr.39)

Ví dụ (29) có 2 câu đứng trước là luận cứ, nêu lên những biểu hiện cụ thể của thiên nhiên là luận cứ. Nhưng câu 3 *Đêm tháng năm chưa nằm đã tối, ngày tháng 10 chưa cười đã tối* là câu kết luận, thể hiện mục đích của người nói là rút ra kinh nghiệm về quy luật tự nhiên từ các bậc ông cha.

c. Câu tục ngữ đứng giữa đoạn

Có các dạng:

- Trong quan hệ với câu đứng trước, câu tục ngữ trở thành kết luận. Câu đứng đầu đoạn và câu cuối đoạn đều là luận cứ, hướng đến nội dung làm minh chứng cho kết luận.

Ví dụ: (30) *Bình cười vô tư*:

- *Ồi giời! Em chả dại! Hồi ấy mà thủ trưởng xui dại em thế, em cũng có có nghe đâu nhớ. Nó cũng vùi cười, đòi có con. Nhưng em tính nát nước ra rồi. Cô yêu tôi thì cô cho tôi. Thế nhờ ở nhà nó lằng nhằng, lằng nhằng thì sao? Minh về giải quyết thế nào? Bỏ thì thương mà vương thì tội, còn con mình nữa. Lôi thôi lắm anh ạ*". (BS, L&Đ&CC, 178)

Trong đoạn văn trên, câu tục ngữ được nhân vật vận dụng trong lời của mình, thể hiện mục đích giải thích, làm rõ lí do tại sao cô không muốn kết hôn.

- Câu tục ngữ đứng giữa đoạn có quan hệ với câu đứng trước theo quan hệ kết luận-luận cứ. Câu tục ngữ giữa đoạn có quan hệ với câu đứng sau theo quan hệ luận cứ-kết luận. Ví dụ: (32) Tôi đáp:

- Anh đừng lo. *Nhập gia tùy tục*. Nếu cô Ba đuổi khách, mình sẽ xoay xở. (Sơn Nam, tr.44)

Câu tục ngữ *Nhập gia tùy tục* có quan hệ với câu đứng trước theo quan hệ: kết luận-luận cứ. Nhưng luận cứ *Nhập gia tùy tục* lại có quan hệ với câu đứng sau theo quan hệ luận cứ-kết luận, thể hiện mục đích của người nói muốn: cách ứng xử linh hoạt của anh ta trước tình huống bất trắc.

Như vậy, chính đặc điểm tham gia cấu tạo đoạn văn (lập luận) đã tạo nên sự khác nhau giữa thành ngữ và tục ngữ trong hành chức. Thành ngữ không có đặc trưng này.

3. Một số định hướng nghiên cứu, giảng dạy tục ngữ, thành ngữ

Từ thực tế khảo sát sự hành chức của tục ngữ khác với thành ngữ trên đây, chúng tôi nhận thấy cần chú ý một số điểm sau trong quá trình giảng dạy.

3.1. Dạy hiểu tục ngữ Việt nên dạy theo cấu trúc Đ-T

Tục ngữ Việt có cấu trúc ngắn gọn, súc tích. Vì vậy, trong kho tàng tục ngữ có hiện tượng nhiều từ nối, từ chêm xen, từ phụ rút gọn đến mức tối giản. Điều này khiến cho việc hiểu đúng nghĩa của câu tục ngữ nhiều khi rất khó khăn, hoặc hiểu theo nhiều cách (đa nghĩa). Chẳng hạn, để hiểu các câu tục ngữ: Bàng già (là) bà lim; Cờ bạc (là) bác thằng bần; Thật thà (là) cha quỷ quái/ đại; Cái bị (là) chị cái thúng; Rau bợ (là) vợ canh cua; Gió đông (là) chồng lúa chiêm... thì những từ *bà, bác, em, cha, vợ, chồng...* vốn có nghĩa tự thân, thuộc nhóm từ chỉ quan hệ thân tộc, nhưng trong câu tục ngữ cụ thể, những từ này không còn mang nghĩa của

chính chúng (với 3 nét nghĩa chính: giới tính, thứ bậc, hòa hợp) mà chúng chỉ còn giữ lại nét nghĩa: thứ bậc/hay nét nghĩa sự hòa hợp. Như vậy, khi xem xét cấu trúc nghĩa của tục ngữ, chúng tôi cho rằng nếu dựa vào cấu trúc Đ-T thì sẽ giúp giải mã nghĩa của tục ngữ một cách hợp lý. Chẳng hạn, chúng ta có thể nhận ra đường ranh giới Đ-T bởi trợ *thì* khá đồng loạt trong các câu: Bồi (thì) ở, lờ //(thì) đi; Khôn //(thì) sống, mông //(thì) chết; cha già //(thì) con cọc; Sống //(thì) có nhà chết (thì) có mồ; Cần (mà) trồng xuống //(thì), muống nhổ lên; Mất lòng trước //(thì) được lòng sau; Được mùa cau //(thì) đau mùa lúa; Tham //(thì) thâm...

3.2. Dạy tục ngữ, thành ngữ cần đặt vào một chức năng làm thành phần cấu tạo câu, hoặc cấu tạo đoạn văn

Khảo sát 369 câu tục ngữ xuất hiện trong truyện ngắn, tiểu thuyết, chúng tôi nhận thấy như sau: Khi tục ngữ xuất hiện với tư cách là thành tố cấu tạo câu thì ý nghĩa của chúng không phải tạo lối nói hình ảnh như thành ngữ mà hướng đến một sự đúc rút kinh nghiệm, một phương châm xử thế, hay từ một lẽ thường đã được nhận thức để suy ra một hệ quả nào đó.

So sánh câu chứa tục ngữ và thành ngữ:

a. Phải tương kế tựu kế, áp dụng triệt để câu *quân tử tham tài, tiểu nhân tham thực*. (Sơn Nam, tập 1, tr.145)

b. Nó hèn nhưng nó có tài *cao chạy xa bay* nên cứ sống nhàn rảnh hoài. (Sơn Nam, tập 1, tr.147)

Trong ví dụ (a) và (b), chúng ta đều gặp thành ngữ đứng sau danh từ để làm định ngữ cho danh từ đó, nhưng ví dụ (a) nói đến kinh nghiệm để ứng xử, còn ví dụ (b) nói đến một kiểu tài "*cao chạy xa bay*" (*cao chạy xa bay* có nghĩa: tránh khỏi chỗ nguy hiểm, dễ liên lụy đến bản thân càng nhanh, càng xa, càng

tốt), vậy thành ngữ này đã mang nghĩa mới, là một kiểu nói mỉa mai.

Khi tục ngữ xuất hiện với tư cách là câu độc lập thì vai trò của nó lại có tác dụng cấu tạo đoạn văn (có thể đứng đầu, giữa, cuối đoạn văn) nhằm một mục đích nào đó do chính thể đoạn văn chi phối.

Ví dụ:

Phó Hương Quân nói: *Đừng! Chém ruồi ai dùng guơm vàng làm chi*. Tôi tính như vậy: đêm nay tôi ăn cắp cái cặp da đựng "bài kĩa" của hắn. Rồi tôi tri hô rằng ăn trộm đã lên vào nhà tôi. Tất nhiên bà con nhà mình nên sắp xếp sẵn. (Sơn Nam, t.1, tr.147)

Câu tục ngữ *Chém ruồi ai dùng guơm vàng làm chi* đứng độc lập, có vai trò dẫn ý (kết luận) để các câu sau xuất hiện (luận cứ).

Như vậy, dạy tục ngữ cần chú trọng dạy trong mối quan hệ với những câu đứng trước hoặc đứng sau nó để tạo đoạn văn, nghĩa là gắn với ngữ cảnh thuộc bậc trên câu.

3.3. *Dạy tục ngữ, thành ngữ cần quan tâm đến các biến dạng của nó trong ngữ cảnh cụ thể để nhận ra hiệu quả nghệ thuật mới*

Tục ngữ ở dạng "điển dạng" thường có nghĩa của chính nó. Nhưng trong sử dụng, do người nói thường bộc lộ thái độ chủ quan của mình nên họ thường cải biến tục ngữ để làm mới nội dung câu nói, cũng như thể hiện đúng điều mà họ muốn thể hiện. Vì thế, ta còn gặp các câu tục ngữ "biến dạng".

Ví dụ sau là một trường hợp tục ngữ biến dạng:

Sau một thời gian *ăn mặn*, thiên hạ cần có dịp *uống nước* lã cho đã khát. (Sơn Nam, tập 1, tr.28)

Ví dụ trên, người đọc nhận ra câu tục ngữ gốc là: *Đời cha ăn mặn, đời con khát nước* có nghĩa là: Chê những người cha có hành vi xấu khiến con cái phải chịu ảnh hưởng xấu. [13, 159]. Nhưng, người viết đã cải biến

thành câu tục ngữ mới với ý nghĩa mới, được tách thành hai vế câu có quan hệ kéo theo.

4. Kết luận

Thành ngữ thường được sử dụng trong phạm vi câu, với chức năng miêu tả, ví von một cách hình ảnh. Tục ngữ thường xuất hiện trong lời người nói, hướng đến người nghe để phản ánh một quan niệm, nhận thức, kinh nghiệm được đúc rút từ tự nhiên và đời sống xã hội. Chính vì thế, hiện tượng vay mượn thành ngữ, tục ngữ giữa các ngôn ngữ là phổ biến. Bên cạnh đó còn có biểu hiện thành ngữ, tục ngữ xuất hiện thành những trường nghĩa tương đồng. Có thể tiếp thu nét tương đồng này để vận dụng trong dạy học một cách có hiệu quả. Từ những đặc điểm chung sẽ giúp chúng ta nhận ra nét tương đồng và khác biệt để dạy học một cách chung nhất, hiểu được nghĩa của tục ngữ nhanh nhất.

Thành ngữ, tục ngữ có vai trò như vậy nhưng không nên lạm dụng chúng trong nói năng. Nếu nói sai thì sẽ làm cho người đọc hiểu sai lệch ý nghĩa của tục ngữ. Nếu nói nhiều, lạm dụng tục ngữ thì câu văn trở nên mang tính khẩu ngữ, dân dã.

Tài liệu tham khảo

1. Xuân Bá-Quang Minh (2008), *Giao tiếp tiếng Anh. Thành ngữ, tục ngữ tiếng Anh*, Nxb Hà Nội.
2. Diệp Quang Ban (2010), *Từ điển thuật ngữ ngôn ngữ học*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
3. Đỗ Hữu Châu (2003), *Đại cương ngôn ngữ học*, tập 2, Ngữ dụng học (tái bản lần thứ nhất), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Việt Chương (2010), *Từ điển thành ngữ, tục ngữ, ca dao Việt Nam*, Nxb Tổng hợp Đồng Nai.
5. Nguyễn Đức Dân (1986), "Ngữ nghĩa thành ngữ, tục ngữ, sự vận dụng", *Ngôn ngữ*, số 3.

6. Phan Thị Đào (1999), *Tìm hiểu thi pháp tục ngữ Việt Nam*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
 7. Nguyễn Thiện Giáp (1975), *Về khái niệm thành ngữ tiếng Việt*, Ngôn ngữ, số 3.
 8. Cao Xuân Hạo (1991), *Tiếng Việt- Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, quyển 1, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
 9. Hoàng Văn Hành (2004), *Thành ngữ học tiếng Việt*, Nxb Khoa học Xã hội.
 10. Trần Hồng Hạnh (2011), *Nghiên cứu thành ngữ tiếng Việt từ bình diện ngôn ngữ học tri nhận*, Luận án Tiến sĩ, ĐHQG Hà Nội.
 11. Nguyễn Thái Hòa (1982), *Miêu tả và phân loại các khuôn hình tục ngữ Việt Nam*, Hà Nội, Văn hóa, Hà Nội.
 12. Nguyễn Thị Hương (1986), *Đặc trưng ngữ nghĩa của nhóm tục ngữ chứa các từ chỉ quan hệ thân tộc*, Ngôn ngữ, số 3.
 13. Nguyễn Xuân Kính (2002), *Kho tàng tục ngữ người Việt*, tập 1+2, Nxb Văn hóa- Thông tin.
 14. Nguyễn Lân (1989), *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam*, Hà Nội, Nxb Khoa học Xã hội.
 15. Đỗ Thị Kim Liên (2006), *Tục ngữ Việt Nam dưới góc nhìn ngữ nghĩa, ngữ dụng*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
 16. Nguyễn Văn Mệnh (1971), *Về ranh giới giữa thành ngữ và tục ngữ*, Ngôn ngữ, số 2.
 17. Vũ Ngọc Phan (1978), *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
 18. Hoàng Phê (chủ biên) (1999), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
 19. Nguyễn Kim Thản (1964), *Nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Khoa học Xã hội, tập 2.
 20. Nguyễn Đức Tồn (2002), *Tìm hiểu đặc trưng văn hóa dân tộc của ngôn ngữ và tư duy ở người Việt-trong sự so sánh với những dân tộc khác*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
 21. Nguyễn Như Ý (1996), *Từ điển thuật ngữ ngôn ngữ học*, Nxb Giáo dục.
- Tài liệu trích dẫn làm ví dụ**
- I. Nam Cao toàn tập, tập 1, 2, Nxb Văn học, 2002.
 - II. Võ Thị Hào, *Giàn thiệu*, Nxb Phụ nữ, 2011.
 - III. Lê Lựu, *Chuyện làng cuối*, Nxb Văn học, 2004.
 - III. Nguyễn Công Hoan, *Đống rác cũ*, Nxb Văn học, 2010.
 - IV. Hữu Mai, *Đất nước*, Nxb Quân đội Nhân dân, 2004.
 - V. Sơn Nam, *Hương rừng Cà Mau*, tập 1, 2, 3, Nxb Trẻ, 2009.
 - VII. *Tuyển tập truyện ngắn Vũ Trọng Phụng*, Nxb 2001.
 - VIII. Hồ Anh Thái, *SBC là sản bất chuột*, Nxb Trẻ, 2011.
 - IX. Dương Thụy, *Bỏ câu chung mái vòm*, Nxb Trẻ, 2010.
 - X. Dương Thụy, *Cáo già gái già và tiểu thuyết diễm tình*, Nxb Trẻ 2008.
 - XI. Chu Văn, *Bão Biển*, tập 1, 2, Nxb Văn học, 1974.
-
- Chú thích:**
- ¹) Lê Thị Bích Diệp, *Cách sử dụng thành ngữ trong tác phẩm của Hồ Anh Thái và Dương Thụy*, Luận văn Thạc sỹ Ngữ văn, Đại học Vinh, 2012, tr.45-62; Trần Thị Hiền, *Cách sử dụng thành ngữ trong truyện ngắn Nam Cao và Nguyên Hồng*, Luận văn Thạc sỹ Ngữ văn, Đại học Vinh, 2012, tr 60-80.
 - ²) Khái niệm câu biệt lập, theo chúng tôi dùng, là câu một dạng câu đặc biệt, có một thành phần câu bất kì (chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ, bổ ngữ...) được tách thành câu đặc biệt để nhằm mục đích nhấn mạnh (tác giả Diệp Quang Ban gọi là câu dưới bậc).
- (Ban Biên tập nhận bài ngày 14-12-2012)